

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày 14/5/2018.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Quý Long**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị L**;

2. Ông **Bùi Đ Thập**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hùng**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh**- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 22/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST- DS ngày 26/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1996; Có mặt.

HKTT: Thôn CD, xã NT, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

Trú tại: Thôn Q, xã CL, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh.

Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1990 (Vắng mặt lần thứ 2)

Trú tại: Thôn CD, xã NhT, huyện GL, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2018, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Phạm Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự do, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện GL, tỉnh Hải Dương vào ngày 20/4/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 2/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, anh Đ hay ghen tuông vô cớ, không tin tưởng chị và nhiều lần đánh đập chị. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 2/2017 đến nay. Nay chị xác định tình cảm không

còn, mục đích hôn nhân không đạt, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Đ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có một con chung là Phạm Tâm N, sinh ngày 19/7/2015, hiện con chung đang ở cùng với chị. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa xác định Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng thời hạn tố tụng, trong quá trình giải quyết xét xử tại phiên tòa đã tuân theo đúng trình tự tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật như vắng mặt không có lý do từ khi Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa ngày 14/5/2018.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên xử chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Tâm N, sinh ngày 19/7/2015. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L về việc không yêu cầu anh Phạm Văn Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Phạm Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Đ đều vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Phạm Văn Đ. Đây là vụ án “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn Đ xác lập quan hệ hôn nhân vào 20/4/2015 có đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện GL, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau

dẫn đến thường xuyên xảy ra xô xát. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Từ tháng 02 năm 2017, hai bên đã sống ly thân. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh Đ không có biện pháp nào cải thiện mối quan hệ vợ chồng. Tòa án đã tiến hành xác minh theo đơn đề nghị của chị L về mối quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ tại UBND xã NT, huyện GL cũng như tiến hành lấy lời khai của bố đẻ anh Đ là ông Phạm Văn T và bố mẹ đẻ chị L là ông Nguyễn Đức T2 và bà Nguyễn Thị T3.

UBND xã NT, huyện GL cung cấp: Anh Phạm Văn Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn CD, xã NT, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Ngày 20/4/2015 anh Đ và chị L đăng ký kết hôn tại UBND xã NT, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới anh Đ và chị L chuyển về quê chị L sinh sống, thỉnh thoảng anh Đ qua lại xã NT nên nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh Đ và chị L địa phương không nắm được rõ (Bút lục số 18).

Ông Phạm Văn T (bố đẻ anh Đ) trình bày: Anh Đ và chị L kết hôn vào ngày 20/4/2015. Sau ngày cưới anh, chị về sống là làm việc ở quê vợ thôn Q, xã CL, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh. Đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo ông được biết nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác khiến cho quan hệ vợ chồng trở nên căng thẳng, vợ chồng xảy ra cãi vã và xô xát. Từ tháng 02/2017 vợ chồng anh chị sống ly thân. Trong thời gian vợ chồng ly thân anh Đ vẫn làm việc ở huyện QV, tỉnh Bắc Ninh và thường xuyên qua lại thôn CD, xã NT, huyện GL, tỉnh Hải Dương. Ông là người nhận thông báo thụ lý về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản và giấy triệu tập và đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị L gửi cho anh Đ ông đã giao tận tay cho anh Đ nhưng anh Đ thể hiện quan điểm vợ chồng tình cảm không còn nên anh nhất trí ly hôn nhưng anh không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án và không ký kết vào bất cứ văn bản nào của Tòa án. Xét thấy, anh Đ và chị L có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải, đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai một thời gian dài nên ông đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh, chị ly hôn để anh, chị có điều kiện tạo lập cuộc sống mới. Vợ chồng anh, chị có một con chung là Phạm Tâm N, sinh ngày 19/7/2015, hiện nay đang sống cùng chị L. Do cháu N đang còn nhỏ nên ông đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng để đảm bảo cháu phát triển bình thường. Anh Đ cũng có quan điểm như quan điểm của ông (Bút lục số 19).

Ông Nguyễn Đức T2 và bà Nguyễn Thị T3 (bố, mẹ đẻ của chị L) cung cấp: Sau ngày cưới chị L và anh Đ về gia đình ông, bà tại thôn Q, xã CL, huyện QV, tỉnh Bắc Ninh sinh sống. Chị và anh sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh Đ nhiều lần đánh đập chị L. Bản thân anh Đ hay ghen tuông, không chịu làm ăn, không chăm lo gì cho

vợ con và gia đình. Ông, bà thường xuyên khuyên giải cho anh, chị nhưng không cải thiện. Đến tháng 02/2017 chị L, anh Đ sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ là trầm trọng nên ông, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị L và anh Đ ly hôn. Vợ chồng anh, chị có một con chung là Phạm Tâm N, sinh ngày 19/7/2015, hiện nay đang sống cùng chị L. Do cháu N đang còn nhỏ rất cần đến sự chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ nên ông, bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng để đảm bảo cho sự phát triển của cháu (Bút lục số 25).

Như vậy, chị L xin ly hôn anh Đ là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Bản thân anh Đ không có bất kỳ biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng và có thái độ bỏ mặc như không đến tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên tòa ngày 14/5/2018 là thể hiện anh cố tình gây khó khăn cho chị L. Căn cứ Điều 56- Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị L xin ly hôn anh Phạm Văn Đ.

[4]. Về nuôi con chung: Chị L và anh Đ có một con chung Phạm Tâm N, sinh ngày 19/7/2015, hiện nay đang sống cùng với chị L. Trong quá trình giải quyết vụ án chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Thông qua ông Toàn (bố anh Đ) thì thấy anh Đ cũng nhất trí giao cho chị L nuôi con chung là Phạm Tâm N. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L về việc giao con chung Phạm Tâm N, sinh ngày 19/7/2015 cho chị L nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83- Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83- Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí số 97 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Phạm Văn Đ.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Phạm Tâm N, sinh ngày 19/7/2015. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh Phạm Văn Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0003757 ngày 19/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273- Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (14/5/2018). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lộc;
- Các đương sự;
- UBND xã NT để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Quý Long